

Số: 79/TB.CK2526-ESVT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO
THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ
THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN TẠI TRƯỜNG EINSTEIN VŨNG TÀU
NĂM HỌC 2025 - 2026

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC:

- Tên cơ sở giáo dục: Trường TH, THCS, THPT Einstein Vũng Tàu
- Địa chỉ: 43 đường 30/4, phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (0254) 362 61 62
- Trang thông tin điện tử: esvt.edu.vn
- Địa chỉ thư điện tử: admissions@esvt.edu.vn
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục, Quá trình hình thành và phát triển
Chi tiết tại mục "Giới thiệu" trên trang điện tử của trường.
- Thông tin pháp lý:
 - Loại hình cơ sở giáo dục: Tư thục
 - Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
 - Tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục: Công ty cổ phần thương mại Song Phương
 - Người đại diện pháp luật: Cô Trịnh Thị Thu
 - Chức vụ: Hiệu trưởng
 - Địa chỉ làm việc: 43 đường 30/4, phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Số điện thoại: 0987380755
 - Thư điện tử: thu.trinh2@esvt.edu.vn
- Tổ chức bộ máy:
 - Quyết định thành lập, cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường; công nhận hiệu trưởng ...

Tên Quyết định	Số Quyết định	Ngày cấp
Quyết định thành lập trường của UBND tỉnh BR-VT	2089/QĐ-UBND	16/08/2019
Quyết định cho phép hoạt động của Sở GD&ĐT BRVT	765/QĐ-GDĐT	28/08/2019
Quyết định đổi tên trường của UBND tỉnh BR-VT	2081/QĐ-UBND	27/6/2025
Quyết định chuyển đổi cơ quan quản lý trực thuộc Sở GD&ĐT TP.HCM	2487/QĐ-UBND	04/11/2025
Quyết định bổ sung, kiện toàn HĐT và công nhận Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028	2810/QĐ-SGDĐT	31/12/2025
Quyết định công nhận Hiệu trưởng đối với bà Trịnh Thị Thu	114/QĐ-GDĐT	13/01/2026
Quyết định công nhận Phó Hiệu trưởng đối với bà Trần Thị Bích Trang	115/QĐ-GDĐT	13/01/2026

Tên Quyết định	Số Quyết định	Ngày cấp
Quyết định công nhận Phó Hiệu trưởng đối với bà Nguyễn Thị Mai Lâm	116/QĐ-GDĐT	13/01/2026

b) Danh sách hội đồng trường và chủ tịch hội đồng trường.

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Quốc Toàn	Chủ tịch
2	Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan	Ủy viên
3	Bà Nguyễn Thị Bình	Ủy viên
4	Ông Trịnh Việt Dũng	Ủy viên
5	Ông Đàm Quang Minh	Ủy viên

c) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

STT	Họ và tên	Chức danh	Số Quyết định	Ngày cấp
1	Bà Trịnh Thị Thu	Hiệu trưởng	114/QĐ/SGDĐT	13/01/2026
2	Bà Nguyễn Thị Mai Lâm	Phó hiệu trưởng	116/QĐ/SGDĐT	13/01/2026
3	Bà Trần Thị Bích Trang	Phó hiệu trưởng	115/QĐ/SGDĐT	13/01/2026

9. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

a) Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và hoạt động tuyển sinh của cơ sở giáo dục: Chi tiết tại trang điện tử của nhà trường (mục "Giới thiệu", "Tuyển sinh", "Chương trình bổ trợ" và "Lộ trình học tập")

b) Các văn bản khác của trường: Chi tiết tại trang điện tử của nhà trường (mục "Tin tức & Sự kiện" / "Thông báo")

10. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Einstein School Vũng Tàu (Thành viên Tập đoàn Giáo dục EQuest), tiền thân là trường Happy School được thành lập vào năm 2019 tại TP.HCM, là thành viên của hệ thống trường Quốc tế Canada (CISS). Trường giảng dạy theo chương trình của Bộ GD&ĐT (MOET) kết hợp tăng cường tiếng Anh, đồng thời định hướng phát triển trở thành cơ sở giáo dục hàng đầu trong lĩnh vực STEM.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

Nội dung	Năm học 2024-2025							Năm học 2025 - 2026						
	Tổng số	TS	THS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Tổng số	TS	THS	ĐH	CD	TrC	Dưới TrC
Tổng số CBQL, GV, NV cơ hữu	42	-	2	36	-	-	4	57	-	4	43	3	7	-

I. Giáo viên cơ hữu - Trong đó số giáo viên dạy môn:

STT	Môn dạy	Tổng 24-25	ThS	ĐH	Tổng 25-26	ThS	CD-ĐH
1	GV khối tiểu học	5	1	4	11	-	10
2	Toán	1	-	1	3	2	1
3	KHTN - CN	1	-	-	1	-	1
4	Lý	-	-	-	-	-	-
5	Hóa	-	-	-	-	-	-

STT	Môn dạy	Tổng 24-25	ThS	ĐH	Tổng 25-26	ThS	CĐ-ĐH
6	Văn	1	-	1	1	-	1
7	Sử	-	-	-	-	-	-
8	Địa	-	-	-	-	-	-
9	Sinh	-	-	-	-	-	-
10	Tin	-	-	-	-	-	-
11	Công dân	-	-	-	-	-	-
12	Tiếng Anh	1	-	1	3	1	2
13	Thể dục & Bơi	-	-	-	-	-	-
14	Âm nhạc	-	-	-	-	-	-
15	Mỹ thuật	-	-	-	-	-	-
16	GDQP	-	-	-	-	-	-
17	Tiếng Trung	1	1	-	-	-	-
18	Tâm lý	1	-	1	1	-	1

II. Cán bộ quản lý

STT	Chức danh	Tổng 25-26	ThS	ĐH
1	Hiệu trưởng	1	1	-
2	Phó hiệu trưởng	2	-	2

III. Nhân viên

STT	Chức danh	Tổng 25-26	ThS	ĐH/CD
1	Nhân viên giáo vụ	2	-	2
2	Nhân viên kế toán	2	-	2
3	Nhân viên tư vấn tuyển sinh	2	-	2
4	Nhân viên tạp vụ	3	-	-
5	Nhân viên bếp	2	-	2
6	Nhân viên y tế	1	-	1
7	Nhân viên bảo vệ	2	-	-

Thông tin chi tiết về Đội ngũ Giáo viên và Ban Quản lý được cập nhật trên chi tiết tại trang điện tử của nhà trường (mục "Giới thiệu")

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: 20 giáo viên và 3 cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định. Tỷ lệ 100%.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 23 giáo viên và 3 cán bộ quản lý hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định. Tỷ lệ 100%.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin về cơ sở vật chất và thiết bị học tập

STT	Nội dung	Số lượng 24-25	Bình quân	Số lượng 25-26	Bình quân
I	Số phòng học	32	45 m ²	32	45 m ²
II	Loại phòng học	-	-	-	-
1	Phòng học kiên cố	22	48 m ²	22	48 m ²
5	Số phòng học bộ môn	7	40 m ²	7	40 m ²
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	3	45 m ²	3	64 m ²
7	Bình quân lớp/phòng học	0.68	48 m ²	0.68	48 m ²
8	Bình quân học sinh/lớp	18.5	-	18.5	-
III	Số điểm trường	1		1	
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	5500 m ²		5500 m ²	
STT	Tổng diện tích các phòng			Diện tích	
1	Diện tích phòng học (m ²)			48 m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)			45 m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)			74.5 m ² /Phòng	
4	Diện tích sân bóng đá			513 m ²	
5	Diện tích sân bóng rổ			260 m ²	
6	Diện tích sân Cầu lông			208 m ²	
X	Nhà bếp			80 m ²	
XI	Nhà ăn			250 m ²	

Nhà vệ sinh (XIV):

Nội dung	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh (Nam/Nữ)	Số lượng (m ²)
Đạt chuẩn vệ sinh	x	x	21 x 25 m ²
Chưa đạt chuẩn vệ sinh			

(*Theo thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y Tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

Nội dung	Có	Không
Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
Kết nối internet	x	
Tường rào xây	x	

- Trang thông tin điện tử (website) của trường: <https://esvt.edu.vn/>

2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng năm học 2025 - 2026:

- Bộ sách Chân trời sáng tạo: từ khối 1-12

Và một số môn học sử dụng từ các bộ sách khác:

- Bộ Kết nối tri thức: Tin học (lớp 6 - 9), KHTN lớp 8, và Mĩ thuật lớp 9.

- Bộ Cánh Diều: Giáo dục công dân (lớp 6 - 9).

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định Cognia:

Trường Einstein Vũng Tàu đạt kiểm định chất lượng Quốc tế Cognia của Mỹ năm 2025 cùng với hệ thống trường Quốc tế Canada. (Cognia là tổ chức kiểm định lớn nhất thế giới, có lịch sử 125 năm, đã thực hiện kiểm định 40.000 trường học/tổ chức tại 85 quốc gia trên toàn thế giới. Cognia sở hữu những cơ quan kiểm định vùng lớn nhất tại Mỹ (NCA CASI, NWAC, SACS CASI).

2. Báo cáo đánh giá ngoài

- Chưa đăng ký chu kỳ tiếp theo

V. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kế hoạch tuyển sinh:

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp
1	Điều kiện tuyển sinh	- Khi có chỉ tiêu. - Học sinh trong độ tuổi quy định - Đáp ứng các điều kiện khác được quy định của Nhà trường. Ngoài ra: - Lớp 6: Hoàn thành chương trình Tiểu học - Lớp 10: Tốt nghiệp THPT
2	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- MOET + Tiếng Anh tăng cường - Chương trình song ngữ (tích hợp)
3	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Yêu cầu gia đình hợp tác chặt chẽ, thường xuyên, hiệu quả trên tinh thần tôn trọng lẫn nhau qua các kênh: email, MegaEdu, website, điện thoại ... - Yêu cầu về hành vi, thái độ của HS được thể hiện theo chương trình giáo dục tính cách bằng hành động (10 tính cách).
4	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Chương trình hỗ trợ Tiếng Anh (ELL). - Chương trình hỗ trợ học sinh gặp vấn đề khó khăn trong học tập, tâm lý, hành vi,... (SEL). - Chương trình tham vấn học đường. - Chương trình tư vấn hướng nghiệp.
5	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Nhà trường cam kết năng lực, phẩm chất, sức khỏe của học sinh theo các chương trình đang triển khai.
6	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Nhà trường cam kết chất lượng với việc thực hiện đúng, hiệu quả các chương trình giảng dạy đang thực hiện, đồng thời đưa ra nhiều biện pháp hỗ trợ để đảm bảo khả năng học tập tiếp thu của HS. - Tất cả học sinh khối 12 sau khi TN THPT sẽ tiếp tục học đại học (đi du học hoặc học đại học trong nước).
7	Chỉ tiêu tuyển sinh	Tất cả các cấp lớp từ 1 - 12

2. Kết quả giáo dục thực tế:

Khối Tiểu Học

STT	Nội dung	Tổng	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	147	39	34	29	18	27
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	147	39	34	29	18	27
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	147	39	34	29	18	27
1	Tốt (Tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%	100%
2	Đạt (Tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%	0%
3	Cần cố gắng (Tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%	0%

STT	Nội dung	Tổng	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	147	39	34	29	18	27
1	Hoàn thành xuất sắc (Tỷ lệ so với tổng số)	71,4%	97%	64%	70%	38,8%	54%
2	Hoàn thành tốt (Tỷ lệ so với tổng số)	21%	2.5%	17%	30%	44%	37%
3	Hoàn thành (Tỷ lệ so với tổng số)	7%	0%	16,1%	0%	0%	0%
4	Chưa hoàn thành (Tỷ lệ so với tổng số)	0.7%	0%	2.9%	0%	0%	0%
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	147	39	34	29	18	27
1	Lên lớp (%)	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	Ở lại lớp (%)	0%	0%	0%	0%	0%	0%
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (Tỷ lệ so với tổng số)	91.6%	100%	82%	93%	83%	100%
b	HS được cấp trên khen thưởng (Tỷ lệ so với tổng số)	27%	38%	20%	37%	32.6%	7.4%
2	Ở lại lớp (%)	0%	0%	0%	0%	0%	0%

Khối THCS & THPT

STT	Nội dung	Tổng	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Tổng số học sinh	90	27	21	21	15	2	0	4
	Hạnh kiểm Tốt (%)	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
II	Học lực Giỏi (%)	85%	88.5%	90.5%	76.2%	86.7%	100%	-	100%
	Học lực Khá (%)	14%	11.5%	9.5%	23.8%	13.3%	0%	-	0%
III	Lên lớp (%)	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	Học sinh xuất sắc (%)	24%	7%	4%	12%	16%	8%	9%	6%
IV	Đạt giải cấp tỉnh/TP	4	-	1	2	1	-	-	-
	Đạt giải quốc gia/quốc tế	-	-	-	-	-	-	-	-
V	Số HS dự thi tốt nghiệp	-	-	-	-	-	15	-	4
VI	Số HS được công nhận TN (100%)	-	-	-	-	-	15	-	4
VII	Thi đỗ ĐH, CĐ (%)	-	-	-	-	-	-	-	100%

Tỷ lệ học sinh đỗ vào các trường Đại học/ Cao đẳng:

STT	Học sinh lớp 12 trúng tuyển ĐH, CĐ	Năm học 2024-2025 (Số lượng)	%
1	ĐH-CĐ tại Việt Nam	3	75%
2	ĐH-CĐ Quốc tế tại VN	1	25%
3	Du học	0	0%
4	Khác	0	0%

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các khoản thu: Chi tiết tại trang điện tử của nhà trường (mục "Tuyển sinh")

STT	MỤC	2025-2026	2024-2025
1	Học phí	83%	83%
2	Phí dịch vụ trong hoạt động giáo dục	15%	15%
3	Khác	2%	2%
	Tổng cộng	100%	100%

2. Các khoản chi:

STT	Nội dung khoản mục tiêu	2025-2026	2024-2025
1	Chi phí hành chính	10%	10%
2	Chi phí nhân sự	51%	47%
3	Chi phí giáo dục	17%	20%
4	Chi phí Marketing	3%	2%
5	Chi phí cơ sở vật chất	16%	17%
6	Chi phí khác	3%	4%
	TỔNG CỘNG	100%	100%

3. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển. Chi tiết tại trang điện tử của nhà trường (mục "Tuyển sinh")

4. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

- Chính sách: Mức giảm giá từ 2% đến 20%

- Kết quả thực hiện:

STT	Nội dung chính sách	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
1	Miễn	1	1
2	Học bổng	1	1
3	Chính sách ưu đãi khác	Áp dụng theo từng thời điểm tuyển sinh	Áp dụng theo từng thời điểm tuyển sinh

- Nhà trường không có số dư tại các quỹ thuộc ngân sách Nhà nước hoặc các quỹ đặc thù theo quy định.

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở như sau:

- Nhà trường không có tài sản công hoặc quỹ đặc thù thuộc ngân sách Nhà nước.

- Trường đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm theo quy định.

- Về báo cáo kiểm toán: Trong năm tài chính 2024 - 2025, nhà trường đã lựa chọn Công ty TNHH PwC (Việt Nam) làm đơn vị kiểm toán độc lập. Đến thời điểm hiện tại, báo cáo kiểm toán chưa được phát hành. Sau khi có kết quả kiểm toán chính thức, nhà trường sẽ cập nhật và công khai theo quy định.

- Các nội dung công khai tài chính khác sẽ được cập nhật khi có phát sinh hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo. Trường tổ chức đào tạo Chương trình Leader in me cho giáo viên tổ trưởng/khối trưởng và giáo viên chủ nhiệm. Tổ chức các ngày định hướng chuyên môn, phát triển chuyên môn cho đội ngũ sư phạm nhà trường 5 lần trong năm học 2024-2025.
- Tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục thông qua các hoạt động giao lưu, kết nối với các trường đối tác trong hệ thống tập đoàn EQuest.
- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác giáo dục: tập huấn hướng đến sử dụng học bạ số, chữ ký số. Tăng cường sử dụng phần mềm Mega School trong điểm danh, quản lý học sinh.

Trên đây là thông báo thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của trường Tiểu học – THCS – THPT Einstein Vũng Tàu./.

Nơi nhận:

- Ban GD(duyet)
- Sở GD(b/cáo)
- Lưu hồ sơ



BÁO CÁO DỰ KIẾN CHI PHÍ CHO GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026

STT	Nội dung khoản mục tiêu	2025 - 2026
1	Chi phí hành chính	10%
2	Chi phí nhân sự	51%
3	Chi phí giáo dục	17%
4	Chi phí marketing	3%
5	Chi phí cơ sở vật chất	16%
6	Chi phí khác	3%
	TỔNG CỘNG	100%

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2026

 **HIỆU TRƯỞNG**
Trịnh Thị Thu